

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXX

### Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 6

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả nghiệp chẳng định được quả, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà cần phải tu tập tám Thánh đạo thì vì nhân duyên gì tất cả chúng sinh đều chẳng thể đắc Đại Bát Niết Bàn này? Thưa Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần gì tu tập Thánh đạo? Bạch Thế Tôn! Như trong kinh này nói, người có bệnh nếu được thuốc men và người chăm sóc tùy theo bệnh mà cho ăn uống, nhưng hoặc giả sử chẳng được như thế cũng đều có thể khỏi. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, hoặc gặp Thanh văn, Phật-bích-chi, chư Phật, Bồ-tát và các thiện tri thức mà nghe nói pháp tu tập Thánh đạo, hoặc chẳng gặp, chẳng nghe, chẳng tu tập Thánh đạo đều thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Ví như không gì có thể ngăn mặt trời, mặt trăng khiến cho chẳng đến được ven sườn núi Ngạch đa, nước bốn dòng sông lớn chẳng đến biển cả, Nhất-xiển-đề v.v... chẳng đến địa ngục. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, không gì có thể ngăn khiến cho chẳng đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh. Thưa Thế Tôn! Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng cần tu Thánh đạo. Do lực của Phật tánh nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng do sức tu tập Thánh đạo. Bạch Thế Tôn! Nếu Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm, tội ngũ nghịch v.v... chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đáng lẽ cần phải tu tập, nhưng vì nhân Phật tánh nên nhất định sẽ đắc, chẳng phải nhân tu tập, sau đó

mới đạt được. Thừa Thế Tôn! Ví như đá nam châm khử sắt, tuy ở xa nhưng do lực của đá ấy nên sắt bị cuốn hút theo. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Vậy chẳng cần siêng tu tập Thánh đạo.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Như bên bờ sông Hằng có bảy hạng người, hoặc vì tầm gỏi, hoặc sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa nên vào trong dòng sông ấy. Hạng người thứ nhất vào nước chìm mất. Vì sao? Vì yếu đuối không thể lực, chẳng tập bơi. Hạng người thứ hai tuy chìm nhưng trôi lên lại, trôi lên rồi lại chìm. Vì sao? Vì thân lực lớn nên có thể nổi lên nhưng chẳng tập bơi nên nổi lên rồi chìm lại. Hạng người thứ ba chìm rồi liền nổi, nổi lại chẳng chìm nữa. Vì sao? Vì thân nặng nên chìm nhưng có sức mạnh nên nổi và trước có tập bơi nên nổi lên rồi liền đứng vững. Hạng người thứ tư thì vào rồi liền chìm, chìm rồi lại nổi, nổi rồi liền đứng vững và quan sát khắp bốn phương. Vì sao? Vì nặng nên chìm, có sức mạnh nên nổi lên, do tập bơi nên đứng vững, chẳng biết chỗ lên nên quan sát bốn phương. Hạng người thứ năm thì vào rồi liền chìm, chìm rồi liền nổi lên lại, nổi lên liền đứng vững, đứng vững rồi quan sát bốn phương, quan sát rồi liền bơi đi. Vì sao? Vì lo sợ. Hạng người thứ sáu thì vào rồi liền bơi đến chỗ cạn rồi đứng lại. Vì sao? Vì để xem giặc gần hay xa. Hạng người thứ bảy thì đã đi đến bờ kia, leo lên ngọn núi lớn, không lo sợ nữa, lìa khỏi các giặc dữ, hưởng thọ hoan lạc lớn. Này thiện nam! Dòng sông lớn sinh tử cũng như vậy, có bảy hạng người sợ giặc phiền não nên phát khởi ý muốn qua khỏi dòng sông lớn sinh tử, xuất gia, cạo tóc, thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi mà họ còn gần gũi bạn ác, nghe theo lời dạy của chúng, lãnh thọ tà pháp như cho là thân chúng sinh tức là năm ấm, năm ấm thì gọi là năm đại. Chúng sinh nếu chết là đoạn dứt vĩnh viễn năm đại. Đã đoạn dứt năm đại rồi thì cần gì tu tập các nghiệp thiện, ác? Vậy nên phải biết không có thiện, ác và quả báo thiện ác. Như vậy gọi là Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề gọi là đoạn thiện căn, mà đoạn thiện căn nên chìm vào dòng sông sinh tử chẳng thể ra được. Vì sao? Vì nghiệp ác nặng, không có tín lực giống như hạng người thứ nhất bên bờ sông Hằng. Này thiện nam! Hạng Nhất-xiển-đề có sáu nhân

duyên chìm vào ba đường ác, chẳng thể ra được. Những gì là sáu? Một là tâm ác sục sôi, hai là chẳng thấy đời sau, ba là ưa tập phiền não, bốn là xa lìa thiện căn, năm là nghiệp ác ngăn cản, sáu là gần gũi ác tri thức.

Lại có năm việc chìm vào ba đường ác. Những gì là năm? Một là ở bên Tỳ-kheo làm việc phi pháp, hai là ở bên Tỳ-kheo-ni làm việc phi pháp, ba là tự tại sử dụng vật của tăng, bốn là ở bên mẹ làm việc phi pháp, năm là đối với năm bộ Tăng làm phát sinh thị phi với nhau.

Lại có năm việc chìm vào ba đường ác. Những gì là năm? Một là thường nói không quả báo thiện ác, hai là giết hại chúng sinh phát tâm Bồ-đề, ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư, bốn là pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, năm là vì tìm lỗi của pháp nên nghe thọ.

Lại có ba việc chìm vào ba đường ác. Những gì là ba? Một là gọi Như Lai vô thường, diệt vĩnh viễn, hai là chánh pháp vô thường biến đổi, ba là Tăng bảo có thể hoại diệt. Vậy nên họ thường chìm vào trong ba đường ác. Người thứ hai phát ý muốn qua khỏi dòng sông lớn sinh tử mà đoạn thiện căn nên chìm đắm chẳng thể ra. Sở dĩ nói rằng ra là nói gần gũi bạn lành thì được tín tâm. Người tín tâm là người tin bố thí và quả báo của bố thí, tin điều thiện và quả báo của điều thiện, tin điều ác và quả báo của điều ác, tin sinh tử, khổ, vô thường, bại hoại. Đó gọi là tin. Đã được tín tâm, tu tập tịnh giới, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói, thường làm việc bố thí, khéo tu trí tuệ nhưng do căn tánh chậm lụt nên lại gặp bạn ác, chẳng thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, lại nghe thọ tà pháp, hoặc gặp lúc ác, ở đất nước ác, đoạn dứt các căn lành, do đoạn căn lành nên thường chìm vào sinh tử như người thứ hai bên bờ sông Hằng. Người thứ ba phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử mà đoạn căn lành nên chìm đắm ở trong đó. Gần gũi bạn lành thì gọi là ra. Tin Như Lai chính là Nhất thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sinh nên nói đạo vô thường, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai chẳng phải diệt, Pháp, Tăng cũng vậy, không có hoại diệt, Nhất-xiển-đề chẳng đoạn pháp ác thì nhất định chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần phải xa lìa thì sau đó mới được. Do tín tâm nên tu

tập tịnh giới, tu tịnh giới rồi thì thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì các chúng sinh tuyên dương lưu hành rộng rãi, ưa thích bố thí, tu tập trí tuệ. Do căn tánh lạnh lợi nên trụ vững ở tín tuệ, tâm không thoái chuyển như người thứ ba ở bên bờ sông Hằng. Người thứ tư là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn đứt thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm, đó gọi là ra. Được tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi, ưa làm bố thí, tu tập trí tuệ. Do căn tánh lạnh lợi nên trụ vững ở tín tuệ, tâm không thoái chuyển, người này quan sát khắp bốn phương, bốn phương là bốn quả Sa-môn, như người thứ tư ở bên bờ sông Hằng. Người thứ năm là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn đứt thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm, đó gọi là ra. Do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi. Người này ưa làm việc bố thí, tu tập trí tuệ, do căn tánh lạnh lợi nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi thì người này liền tiến tới trước. Người tiến tới trước gọi là Phật-bích-chi. Phật-bích-chi tuy có thể tự lợi qua nhưng chẳng đem theo chúng sinh. Vậy nên gọi là đi như người thứ năm bên bờ sông Hằng. Người thứ sáu là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn đứt thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên có được tín tâm. Được tín tâm nên gọi là ra. Do tín tâm nên người đó thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi. Người đó ưa làm việc bố thí, tu tập trí tuệ và do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi liền tiến tới chỗ cạn, đến chỗ cạn rồi liền trụ lại chẳng đi. Người trụ lại chẳng đi gọi là Bồ-tát. Bồ-tát vì muốn độ thoát các chúng sinh nên trụ lại quan sát phiền não như người thứ sáu bên bờ sông Hằng. Người thứ bảy là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn đứt thiện căn nên chìm đắm trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm. Được tín tâm rồi thì đó gọi là ra. Do có tín tâm nên người đó

thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển và vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi. Người đó ưa bố thí, tu tập trí tuệ và do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi liền tiến tới trước, đã tiến tới trước rồi thì được đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi các sợ hãi, thọ nhiều an vui. Đây thiện nam! Núi ở bờ kia là dụ cho Như Lai, thọ an lạc là dụ cho Phật thường trụ, núi cao lớn là dụ cho Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Những người như vậy ở bên bờ sông Hằng này đều đủ tay chân mà chẳng thể vượt qua, tất cả chúng sinh cũng như vậy, thật có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Như Lai thường nói các nghĩa chính yếu của pháp, có tám Thánh đạo, Đại Bát Niết Bàn mà chúng sinh đều chẳng thể đạt được. Đây chẳng phải lỗi của Ta, cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo và chúng sinh, mà phải biết đều chính là tội ác của phiền não. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng được Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như vị lương y biết bệnh cho thuốc, người bệnh chẳng uống thì chẳng phải lỗi của thầy thuốc. Đây thiện nam! Như có vị thí chủ đem của cải của mình thí cho tất cả mọi người mà có người chẳng nhận thì chẳng phải là lỗi của thí chủ. Đây thiện nam! Ví như mặt trời mọc, mọi u tối đều sáng mà người mù lòa chẳng thấy đường đi thì chẳng phải là lỗi của mặt trời. Đây thiện nam! Như nước sông Hằng có thể trừ được khát mà người khát chẳng uống thì chẳng phải là lỗi của nước. Đây thiện nam! Ví như đất đai sinh ra quả trái bình đẳng không phân biệt nhưng nông dân chẳng gieo trồng thì chẳng phải lỗi của đất. Đây thiện nam! Như Lai vì tất cả chúng sinh khai mở, phân biệt rộng rãi Mười hai bộ loại kinh điển mà chúng sinh chẳng thọ nhận thì chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Này thiện nam! Nếu tu đạo thì liền đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Ông nói rằng, chúng sinh đều có Phật tánh nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như đá có từ tính. Rất hay, rất hay! Do có lực nhân duyên Phật tánh nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu nói rằng chẳng cần tu Thánh đạo thì nghĩa này chẳng đúng. Đây thiện nam! Ví như có người đi trên đồng vắng khát nước gặp được giếng. Giếng ấy rất sâu, tuy chẳng thấy nước nhưng nhất định là có. Người này tìm cách múc

nước, dùng dây buộc vào lọ mà mức thì thấy có nước. Phật tánh cũng vậy, tuy tất cả chúng sinh đều có nhưng cần phải tu tập Thánh đạo vô lậu rồi sau đó mới thấy được. Này thiện nam! Như có hạt mè thì thấy được dầu, nhưng nếu lia các phương tiện thì chẳng thấy được. Cây mía cũng vậy. Này thiện nam! Như cội Uất-đan-việt ở phương Bắc của trời Ba Mươi Ba, tuy là có pháp nhưng nếu không có đạo lực thần thông nghiệp thiện thì chẳng thể thấy. Như rễ cỏ trong đất và nước dưới đất vì đất phủ lên nên chúng sinh chẳng thể thấy. Phật tánh cũng vậy, vì chẳng tu Thánh đạo nên chẳng thấy được. Này thiện nam! Như ông đã nói, ở đời có người bệnh nếu gặp lương y và người chăm sóc, thuốc hay, tùy bệnh cho ăn uống và cả trường hợp nếu chẳng gặp được thì cũng đều khỏi bệnh. Này thiện nam! Ta vì Bồ-tát Lục Trụ mà nói nghĩa như vậy. Này thiện nam! Ví như hư không đối với các chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải trong ngoài nên cũng không ngăn ngại. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người mà cửa cải ở tại nơi khác, tuy chẳng hiện tiền nhưng được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi xin thì người đó nói: “Ta hứa. Vì sao? Vì nhất định có”. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng phải đây, chẳng phải đó mà do nhất định được nên nói rằng, tất cả đều có. Này thiện nam! Ví như chúng sinh tạo tác các nghiệp hoặc thiện hoặc ác, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài thì tánh của nghiệp như vậy chẳng phải có, chẳng phải không, cũng lại chẳng phải là vốn không mà nay có, chẳng phải không nhân sinh ra, chẳng phải đây làm đây chịu, đây làm đó chịu, đó làm đó chịu, không làm, không chịu, mà thời tiết hòa hợp thì gặt quả báo. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, cũng lại chẳng phải vốn không mà nay có, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải đây, chẳng phải đó, chẳng phải chỗ khác lại, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh chẳng thấy. Có các Bồ-tát mà thời tiết, nhân duyên hòa hợp thì được thấy. Thời tiết là nói các Đại Bồ-tát Thập Trụ tu tám Thánh đạo, đối với các chúng sinh được tâm bình đẳng mà bấy giờ được thấy thì chẳng gọi là tạo tác. Này thiện nam! Ông nói, như đá nam châm thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao? Vì đá

chẳng hút sắt. Vì sao? Vì không có tâm nghiệp. Đây thiện nam! Pháp khác có nên pháp khác sinh ra, pháp khác không nên pháp khác hoại diệt, không có người làm, không có kẻ hoại. Đây thiện nam! Giống như lửa mạnh chẳng thể đốt củi. Lửa phát củi hoại tan thì gọi là đốt củi. Đây thiện nam! Ví như cây bông quỳ theo mặt trời mà chuyển. Nhưng cây quỳ này cũng không có lòng cung kính, không có thức, không có nghiệp, do tánh chất riêng của nó nên tự xoay chuyển. Đây thiện nam! Như cây chuối nhân tiếng sấm mà tăng trưởng. Cây này không có tai, không tâm, ý, thức nhưng do pháp này có nên pháp kia tăng trưởng, vì pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Như cây A-thúc-ca, người con gái chạm vào là hoa nở. Cây này không có tâm cũng không hay biết chạm xúc nhưng do pháp này có nên pháp kia sinh, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Như cây quýt được bón xác chết thì trái nhiều thêm mà cây quýt đó không tâm, không chạm xúc, nhưng do pháp này có nên pháp kia sinh ra, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Như cây an-thạch-lựu nhờ bón xương, phân nên quả trái sum suê mà cây an-thạch-lựu cũng không tâm, không chạm xúc nhưng do pháp này có nên pháp kia sinh, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Đá nam châm hút sắt cũng như vậy, do pháp này có nên pháp kia sinh, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng thể hút được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Vô minh chẳng thể hút các hành, hành cũng chẳng thể hút thức, cũng được gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức. Có Phật, không Phật, pháp giới vẫn thường trụ.

Này thiện nam! Nếu nói Phật tánh trụ trong chúng sinh thì, đây thiện nam! Pháp thường không trụ. Nếu có chỗ trụ tức là pháp vô thường. Đây thiện nam! Như mười hai nhân duyên không có trụ xứ nhất định. Nếu có trụ xứ thì mười hai nhân duyên chẳng được gọi là thường. Pháp thân của Như Lai cũng không có trụ xứ. Pháp giới, pháp nhập, pháp ấm, hư không đều không có trụ xứ. Phật tánh cũng vậy, đều không có trụ xứ. Đây thiện nam! Ví như lực của bốn đại tuy quân bình có cứng, có nóng, có ẩm ướt, có chuyển động, có nặng, có

nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen nhưng bốn đại này cũng không có nghiệp, do pháp giới khác nên đều chẳng tương tự. Phật tánh cũng vậy, pháp giới khác nên thời đến thì hiện ra. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh chẳng thoát mất Phật tánh nên gọi đó là có, vì không thoát chuyển. Do có nên quyết được, quyết định sẽ thấy. Vậy nên gọi là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Ví như có vị vua bảo một đại thần: “Ông hãy dắt một con voi để cho người mù xem”. Bấy giờ vị đại thần nhận sắc lệnh của vua rồi tập trung nhiều người mù, đem voi cho họ xem. Lúc đó mọi người mù đều dùng tay sờ. Vị đại thần liền trở lại tâu vua: “Thân đã cho họ xem rồi”. Bấy giờ vị đại vương liền kêu những người mù đến hỏi: “Các người có thấy voi không?”. Những người mù đều đáp: “Chúng thần đã được thấy”. Nhà vua nói: “Voi như thế nào?”. Người sờ ngà voi liền nói: “Hình voi như củ cải”. Người sờ tai voi thì nói: “Voi như cái sàng”. Người sờ đầu thì nói: “Voi như tảng đá”. Người sờ vòi voi thì nói: “Voi như cái chày”. Người sờ chân voi thì nói: “Voi như cái cối bằng gỗ”. Người sờ sống lưng voi thì nói: “Voi như cái giường”. Người sờ bụng voi thì nói: “Voi như cái vò”. Người sờ đuôi voi thì nói: “Voi như sợi dây”. Đây thiện nam! Như những người mù kia chẳng nói đúng hình thể con voi, nhưng cũng chẳng phải là không. Các tướng ấy đều chẳng phải con voi nhưng bỏ ngoài những tướng đó thì không có con voi riêng khác. Đây thiện nam! Vua là dụ cho Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đại thần dụ cho kinh Phương Đẳng Đại Niết-bàn. Voi dụ cho Phật tánh. Người mù dụ cho tất cả chúng sinh vô minh. Những chúng sinh này nghe Phật nói rồi, hoặc nói rằng sắc chính là Phật tánh. Vì sao? Vì sắc này tuy diệt nhưng thứ lớp nối tiếp nhau, nên đạt được ba mươi tướng của Như Lai vô thượng, vì sắc của Như Lai thường hằng chẳng đoạn, nên nói sắc là Phật tánh. Ví như chất vàng ròng tuy biến đổi nhưng sắc thường chẳng khác. Hoặc khi làm xuyên, làm thoa cài tóc, làm mâm v.v... nhưng màu vàng ấy vẫn như ban đầu không biến đổi. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, hình chất tuy vô thường nhưng mà sắc là thường. Do vậy nên nói sắc là Phật tánh. Hoặc có người nói, thọ là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên thọ nên đạt được niềm vui chân



thật của Như Lai. Thọ của Như Lai là thọ rốt ráo, thọ đệ nhất nghĩa. Thọ của chúng sinh, tánh tuy vô thường nhưng thọ ấy theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt, cho nên đạt được thọ thường hằng của Như Lai. Ví như có người họ Kiều-thi-ca. Người tuy vô thường mà dòng họ là thường, dù trải qua ngàn vạn đời cũng không có thay đổi. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói thọ là Phật tánh. Lại có người nói tướng chính là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên tướng nên đạt được tướng chân thật của Như Lai. Tướng Như Lai là gọi tướng vô tướng. Tướng vô tướng thì chẳng phải tướng về chúng sinh, chẳng phải tướng về nam nữ, cũng chẳng phải tướng về sắc thọ tướng hành thức, chẳng phải tướng tướng đoạn. Tướng của chúng sinh tuy vô thường nhưng do tướng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên đạt được tướng thường hằng của Như Lai. Đây thiện nam! Ví như mười hai nhân duyên của chúng sinh. Chúng sinh tuy diệt mà nhân duyên thì thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói tướng là Phật tánh. Lại có người nói hành là Phật tánh. Vì sao? Vì hành gọi là thọ mạng mà do nhân duyên thọ mạng nên đạt được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sinh tuy vô thường nhưng mà thọ mạng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên đạt được thọ mạng thường hằng chân thật của Như Lai. Đây thiện nam! Ví như Mười hai bộ loại kinh điển mà người nghe người nói kinh thì tuy vô thường nhưng kinh điển đó lại thường tồn bất biến. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói hành là Phật tánh. Lại có người nói thức là Phật tánh. Do nhân duyên thức nên đạt được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sinh tuy vô thường nhưng thức theo thứ lớp nối tiếp nhau nên đạt được tâm thường hằng chân thật của Như Lai. Như tánh nóng của lửa, lửa tuy vô thường nhưng nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói thức là Phật tánh. Lại có người nói lìa khỏi ấm thì có ngã. Ngã chính là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên ngã nên đạt được tám ngã tự tại của Như Lai. Có các ngoại đạo nói đi lại, nghe thấy, buồn vui, nói năng là ngã. Như vậy tướng của ngã tuy lại vô thường nhưng mà ngã chân thật của Như Lai là thường. Đây thiện nam! Như ấm, nhập, giới tuy là vô thường mà

gọi là thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Đây thiện nam! Như những người mù kia, mỗi mỗi đều nói về voi, tuy chẳng được chân thật nhưng chẳng phải chẳng nói về voi. Người nói về Phật tánh cũng như vậy, chẳng phải mà cũng tức là sáu pháp, chẳng lìa khỏi sáu pháp. Đây thiện nam! Vậy nên ta nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải sắc, chẳng lìa khỏi sắc cho đến chẳng phải ngã, chẳng lìa ngã. Đây thiện nam! Có các ngoại đạo tuy nói có ngã mà thật không có ngã. Ngã của chúng sinh tức là năm ấm mà bỏ ngoài năm ấm thì không có ngã riêng biệt. Đây thiện nam! Ví như thân, cánh hoa, tua hoa, đài hoa hợp làm hoa sen mà bỏ ngoài những yếu tố này thì không có hoa sen. Ngã của chúng sinh cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như tường vách, cỏ cây hòa hợp thì đó gọi là nhà, mà bỏ ngoài những yếu tố đó thì không có nhà. Như cây Khư-đà-la, cây Ba-la-xa, cây Ni-câu-đà, cây Uất-đàm-bát v.v... hòa hợp làm thành rừng mà bỏ ngoài những cây đó thì không có rừng. Ví như binh xa, binh tượng, binh mã, binh bộ hòa hợp làm quân đội mà bỏ ngoài những binh chủng đó thì không có quân đội. Ví như năm màu dệt vào nhau hòa hợp gọi là lụa hoa, mà bỏ ngoài năm màu đó thì không có lụa hoa. Như bốn dòng họ hòa hợp lại gọi là đại chúng mà bỏ ngoài bốn dòng họ đó thì không có đại chúng. Ngã của chúng sinh cũng như vậy, bỏ ngoài năm ấm ra thì không có ngã. Đây thiện nam! Như Lai thường trụ thì gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai vô biên, vô ngại, chẳng sinh, chẳng diệt, được tám tự tại thì gọi là ngã. Chúng sinh chân thật không có ngã và ngã sở như vậy. Chỉ vì chúng sinh nhất định sẽ được rốt ráo đệ nhất nghĩa không nên gọi là Phật tánh.

Này thiện nam! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ-tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sinh nhất định sẽ được đại từ đại bi nên nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, mà Phật tánh thì gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nếu chẳng thể xả bỏ hai mươi lăm cõi thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà vì các chúng sinh nhất định sẽ được nên nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi đại tín tâm. Vì sao? Vì tín

tâm nên Đại Bồ-tát có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật mà tất cả chúng sinh nhất định sẽ được đại tín tâm. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại tín tâm tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi quả vị con một. Vì sao? Vì do nhân duyên quả vị con một nên Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh được tâm bình đẳng. Tất cả chúng sinh nhất định sẽ được quả vị con một. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Quả vị con một tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi lực thứ tư. Vì sao? Vì do nhân duyên lực thứ tư nên Bồ-tát có thể giáo hóa chúng sinh. Tất cả chúng sinh nhất định được lực thứ tư. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Lực thứ tư tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi mười hai nhân duyên. Vì sao? Vì do nhân duyên nên Như Lai thường trụ. Tất cả chúng sinh nhất định có mười hai nhân duyên như vậy. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi bốn trí vô ngại. Do nhân duyên bốn trí vô ngại nên nói chữ, nghĩa không ngăn ngại. Chữ nghĩa không ngăn ngại nên có thể giáo hóa chúng sinh. Bốn trí vô ngại tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi đỉnh Tam-muội. Do tu đỉnh Tam-muội như vậy nên có thể thấu giữ tất cả pháp Phật. Vậy nên nói, đỉnh Tam-muội là Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ tu Tam-muội này chưa được đầy đủ nên tuy thấy Phật tánh nhưng mà chẳng rõ ràng. Tất cả chúng sinh nhất định đắc Tam-muội đó. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đây thiện nam! Như nói ở trên, đủ thứ các pháp mà tất cả chúng sinh nhất định đạt được. Vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đây thiện nam! Nếu Ta nói sắc chính là Phật tánh thì chúng sinh nghe rồi liền sinh ra tà kiến điên đảo. Do tà kiến điên đảo nên mạng chung, họ phải sinh vào địa ngục A-tỳ, mà Như Lai nói pháp là vì họ dứt địa ngục. Vậy nên Như Lai chẳng nói sắc là Phật tánh cho đến nói thức cũng như vậy.

Này thiện nam! Nếu các chúng sinh hiểu rõ Phật tánh thì chẳng cần tu đạo. Bồ-tát Thập Trụ tu tám Thánh đạo mà còn thấy ít Phật tánh, huống gì là người chẳng tu mà được thấy? Đây thiện nam! Như

các Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v... đã vô lượng đời tu tập Thánh đạo mới rõ biết Phật tánh thì làm sao Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... lại có thể biết Phật tánh. Nếu các chúng sinh muốn được biết rõ ràng Phật tánh thì nên một lòng thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi kinh Niết-bàn này. Nếu thấy có người thọ trì cho đến khen ngợi kinh này như vậy thì nên dùng phòng nhà đẹp, y phục, ẩm thực, ngọc cụ, thuốc men chữa bệnh mà cúng dường họ, lại thêm khen ngợi, lễ bái, hỏi thăm họ. Đây thiện nam! Nếu có người đã ở trong vô lượng vô biên đời quá khứ, gần gũi cúng dường vô lượng các Đức Phật, gieo trồng sâu căn lành thì sau đó mới được nghe tên của kinh này. Đây thiện nam! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn! Phật, Pháp, Tăng bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà chẳng thể biết, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Pháp của Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tất cả chúng sinh có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người đối với kinh này chẳng sinh lòng tin. Vậy nên có người có thể tin kinh này thì gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Đúng vậy! Những người như vậy ở đời vị lai cũng sẽ nhất định tin kinh điển này, thấy được Phật tánh, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát bất thoái tự biết chắc chắn là có tâm bất thoái?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Đại Bồ-tát sẽ dùng khổ hạnh để tự thử lòng mình. Mỗi ngày ăn một hạt mè, trải qua bảy ngày. Với hạt gạo nếp, hạt đậu xanh, hạt vừng, hạt gạo tẻ cho đến đậu trắng cũng như vậy. Mỗi một lần bảy ngày mỗi khi ăn một hạt mè thì khởi suy nghĩ này:

“Khổ hạnh như vậy đều không lợi ích. Việc không lợi ích mà còn có thể làm hưởng gì là việc có lợi ích mà chẳng làm?”. Đối với việc không lợi ích mà tâm có thể gắng nhẫn, chẳng thoái, chẳng chuyển. Vậy nên nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những ngày như vậy khi tu khổ hạnh, tất cả da thịt khô dần dần, nhăn nheo như cứt trái bầu phơi giữa trưa nắng. Mắt của Bồ-tát hờm sâu như sao đáy giếng. Thịt hết, xương sườn bày ra như mái nhà tranh mục nát, xương sống nối liền hiện ra như đường chỉ khâu trùng lấp, chỗ ngồi như vết móng ngựa, muốn ngồi thì nằm phục xuống, muốn đứng dậy thì nằm lăn ra. Tuy thọ khổ không ích lợi như vậy nhưng chẳng thoái tâm Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát vì phá mọi khổ, ban an vui cho chúng sinh nên thậm chí có thể xả bỏ tài vật trong ngoài và thân mạng của mình như bỏ rơm cỏ. Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng này như vậy thì Bồ-tát tự biết nhất định có tâm bất thoái, Bồ-tát ấy nhất định sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Bồ-tát vì nhân duyên pháp mà khoét thân làm đèn rồi quần bông vào da thịt, đổ dầu vào đó đốt cháy lên làm tim đèn. Bồ-tát bấy giờ chịu khổ lớn này tự nhủ: “Khổ như vậy so với khổ ở địa ngục trăm ngàn vạn phần còn chưa bằng một. Người ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, thọ khổ nào lớn đều không lợi ích. Người nếu chẳng thể thọ cái khổ nhẹ nhàng này thì làm sao mà có thể ở trong địa ngục cứu khổ chúng sinh”. Đại Bồ-tát khi nghĩ như vậy thì thân chẳng còn thấy khổ, tâm Bồ-tát chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển. Bồ-tát bấy giờ tự biết sâu sắc rằng, mình nhất định sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Bồ-tát, bấy giờ phiền não vẫn còn đầy đủ chưa đoạn dứt nhưng vì pháp nhân duyên có thể đem đầu, mắt, tủy, não, tay, chân, máu, thịt bố thí cho chúng sinh, dùng đinh đóng vào thân, nhảy xuống từ núi cao ngất, gieo mình vào lửa đỏ. Bấy giờ, Bồ-tát tuy thọ vô lượng những khổ như vậy mà lòng chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển. Bồ-tát biết rằng, mình nay nhất định có tâm chẳng thoái, chẳng chuyển, sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì phá phiền não của tất cả chúng sinh nên nguyện làm thân súc sinh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sinh, khi

chúng sinh nhận lấy lại sinh lòng thương xót. Lúc này, Bồ-tát nín hơi chẳng thở, thị hiện làm tướng chết khiến cho những người lấy máu thịt đó chẳng sinh tư tưởng nghi ngờ giết hại. Bồ-tát tuy thọ thân súc sinh nhưng nhất định chẳng tạo tác nghiệp súc sinh. Vì sao? Đây thiện nam! Vì Bồ-tát đã được tâm bất thoái rồi thì nhất định chẳng tạo tác nghiệp ba đường ác. Đại Bồ-tát, nếu đời vị lai có quả báo nghiệp ác nhỏ như vi trần thì chẳng quyết định thọ. Nhưng do lực đại nguyện, vì chúng sinh nên đều thọ hết. Ví như người bệnh bị quỷ ẩn nấu ở trong thân. Do lực thần chú nên nó tức thời hiện tướng. Hoặc nói năng, hoặc mừng, hoặc giận, hoặc mắng chửi, hoặc kêu gào, hoặc khóc lóc. Nghiệp ba đường ác đời vị lai của Đại Bồ-tát cũng như vậy. Khi Đại Bồ-tát thọ thân loài gấu thường vì chúng sinh diễn nói chánh pháp. Hoặc thọ thân chim Ca-tần-xà-la vì các chúng sinh nói chánh pháp. Hoặc thọ thân Cù-đà, thân nai, thân hổ, thân voi, thân dê, thân vượn, thân bò câu trắng, thân chim cánh vàng, thân rồng, thân rắn v.v... khi Bồ-tát thọ những thân súc sinh như vậy thì nhất định chẳng tạo tác nghiệp ác súc sinh mà thường vì súc sinh khác diễn nói chánh pháp khiến cho những chúng sinh đó nghe pháp mau được chuyển khỏi thân súc sinh. Bấy giờ, Bồ-tát tuy thọ thân súc sinh nhưng chẳng tạo tác nghiệp ác thì nên biết là Bồ-tát nhất định có tâm bất thoái. Đại Bồ-tát ở vào đời đói kém, thấy chúng sinh đói khát thì hiện làm thân rùa, cá to lớn vô lượng do-tuần. Bồ-tát lại phát nguyện: “Nguyện cho các chúng sinh khi lấy thịt của tôi thì tùy ý theo sự sống của mình và nhân ăn thịt của tôi mà được lìa nỗi khổ đói khát, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bồ-tát lại phát nguyện: “Nếu có người nào nhân ăn thịt của tôi được lìa đói khát thì đời vị lai mau chóng được xa lìa khổ hoạn đói khát trong hai mươi lăm cõi. Đại Bồ-tát chịu khổ như vậy mà tâm chẳng thoái chuyển thì nên biết nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Bồ-tát ở vào đời dịch bệnh, thấy bệnh khổ thì suy nghĩ như vậy: “Như cây thuốc tốt nhất, nếu có người bệnh lấy rễ, lấy thân, lấy cành, lấy lá, lấy hoa, lấy quả, lấy vỏ, lấy phần ngoài của vỏ v.v... mà uống thì đều khỏi bệnh, nguyện thân này của tôi cũng như vậy. Nếu có người bệnh nghe tiếng, chạm vào thân, ăn

uống máu thịt cho đến xương tủy của tôi thì bệnh đều trừ khỏi. Nguyên cho các chúng sinh khi ăn thịt của tôi thì chẳng sinh lòng ác như ăn thịt con”. Ta trị bệnh cho họ rồi thường vì họ mà nói pháp, nguyện cho họ tin thọ, tư duy, rồi dạy lại cho người khác. Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ phiền não, tuy thọ thân khổ nhưng tâm Bồ-tát chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển thì phải biết Bồ-tát nhất định được tâm bất thoái, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh bị bệnh quỷ ám, Bồ-tát thấy rồi liền nói rằng: “Nguyên làm thân quỷ, thân lớn, thân khỏe mạnh, thân nhiều quyến thuộc v.v... khiến cho người bệnh kia nghe thấy thì bệnh được trừ khỏi”. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên siêng tu khổ hạnh, tuy có phiền não nhưng không làm ô nhiễm tâm Bồ-tát. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tuy lại tu hành sáu Ba-la-mật nhưng cũng lại chẳng cầu quả báo sáu độ. Khi Bồ-tát tu hành sáu Ba-la-mật vô thượng thì phát nguyện: “Tôi nay dùng sáu Ba-la-mật này thí cho tất cả chúng sinh. Mỗi một chúng sinh thọ nhận sự bố thí của tôi rồi đều khiến cho được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi cũng vì sáu Ba-la-mật, siêng tu khổ hạnh, thọ các khổ não. Khi phải thọ khổ thì nguyện cho tôi chẳng thoái tâm Bồ-đề”. Này thiện nam! Khi Đại Bồ-tát phát nguyện này thì đó gọi là tướng Bồ-đề bất thoái.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát biết sâu nhiều tội lỗi của sinh tử, quan sát Đại Niết-bàn có công đức lớn mà vì chúng sinh nên ở tại sinh tử chịu đủ thứ khổ, lòng không thoái chuyển. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát không có nhân duyên mà sinh thương xót, thật chẳng thọ ân mà thường thi ân, tuy thường thi ân mà chẳng cầu đền đáp. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có chúng sinh vì sự lợi ích của mình mà tu các khổ hạnh, còn Đại Bồ-tát vì lợi ích người khác nên tu hành khổ hạnh, đó gọi là tự lợi. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não, nhưng vì phá bỏ sự oán thân thọ nhận những khổ não nên tu tâm bình đẳng. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát nếu thấy các chúng sinh ác, bất thiện thì

hoặc quở trách, hoặc nói lời dịu dàng, hoặc xua đuổi, hoặc buông bỏ v.v... Người có tánh ác thì hiện làm người nói lời dịu dàng. Người có tánh kiêu mạn thì hiện làm người đại kiêu mạn mà kỳ thật bên trong lòng không kiêu mạn. Đó gọi là Bồ-tát phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não khi ít của cải mà người đến cầu xin nhiều nhưng lòng chẳng hạn hẹp. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát ở vào lúc Phật ra đời, biết công đức của Phật. Nhưng vì chúng sinh nên ở chỗ không có Phật, thọ thân nơi biên địa như mù, như điếc, như thọt, như què v.v... Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát biết tội lỗi của chúng sinh nhưng vì độ thoát họ nên thường cùng hành động với họ. Bồ-tát tuy hành động theo ý họ nhưng tội cấu chẳng ô nhiễm. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy biết rõ ràng, không có tướng chúng sinh không ô nhiễm phiền não, không đạo tu tập, xa lìa phiền não, tuy là Bồ-đề nhưng không hạnh Bồ-đề, cũng không thành tựu hạnh Bồ-đề, không có người thọ khổ, người phá khổ, mà cũng có thể vì chúng sinh phá hoại hạnh khổ, hạnh Bồ-đề. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát thọ thân sau cùng ở trên trời Đâu-suất thì đó cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì trời Đâu-suất là cõi tối thắng trong dục giới. Người ở trời dưới thì lòng họ buông lung. Người ở trời trên thì các căn ám độn. Vậy nên gọi là thắng. Tu thí, tu giới thì được thọ thân trời trên, trời dưới. Tu thí giới định thì được thân trời Đâu-suất. Tất cả Bồ-tát hủy báng các hữu, phá hoại các hữu, nhất định chẳng tạo tác nghiệp của trời Đâu-suất để thọ thân của cõi trời đó. Vì sao? Vì Bồ-tát, nếu ở các cõi khác thì cũng có thể giáo hóa thành tựu chúng sinh. Bồ-tát chân thật không có dục tâm mà sinh ra ở dục giới. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát sinh lên trời Đâu-suất có ba việc thù thắng: Một là mạng, hai là sắc, ba là danh. Đại Bồ-tát chân thật chẳng cầu lấy mạng, sắc và danh. Tuy tâm Bồ-tát không cầu mà sở đắc tốt đẹp. Đại Bồ-tát rất ưa thích Niết-bàn nhưng có nhân duyên còn hơn nữa. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát có ba việc tuy tốt đẹp hơn chư Thiên như vậy nhưng chư Thiên ở chỗ Bồ-tát nhất định chẳng sinh tâm sân



giận, tâm ganh ghét, tâm kiêu mạn mà thường sinh tâm vui mừng. Bồ-tát đối với chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát chẳng tạo nghiệp thọ mạng mà đối với các trời kia được thọ mạng rất ráo. Đó gọi là hơn về thọ. Bồ-tát cũng không tạo nghiệp sắc mà thân diệu sắc sáng ngời đầy khắp. Đó gọi là hơn về danh sắc. Đại Bồ-tát ở cung trời kia chẳng ưa năm dục mà chỉ vì việc pháp. Vậy nên danh xưng vang khắp mười phương. Đó gọi là hơn về danh. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng sinh, khi đó đại địa chấn động sáu cách. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Bồ-tát khi xuống cõi Dục, cõi Sắc, chư Thiên đều đến hầu đưa tiễn, phát ra âm thanh lớn khen ngợi Bồ-tát. Do hơi gió trong miệng nên khiến cho đất rung động. Lại có Bồ-tát là voi chúa trong loài người. Voi chúa trong loài người gọi là Long vương. Long vương khi bắt đầu vào thai thì có các Long vương ở bên dưới đất này, hoặc sợ, hoặc thức dậy nên đại địa chấn động sáu cách. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát khi vào thai, khi trụ thai, khi sinh ra, biết cha, biết mẹ chẳng sạch, chẳng ô nhiễm như châu báu màu xanh trên tóc Đế Thích. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn cũng như vậy, chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Ví như biển lớn có tám điều chẳng nghĩ bàn. Những gì là tám? Một là dần dần trở nên sâu. Hai là sâu khó dò được đáy. Ba là đồng một vị mặn. Bốn là nước triều chẳng quá giới hạn. Năm là đủ thứ bảo tàng. Sáu là chúng sinh thân lớn cư trú ở trong đó. Bảy là chẳng chứa chấp thay chết. Tám là tất cả muôn dòng nước, mưa lớn v.v... trút vào trong đó mà chẳng tăng, chẳng giảm. Này thiện nam! Dần dần trở thành sâu có ba việc. Những gì là ba? Một là phước lực của chúng sinh, hai là thuận gió mà cháy, ba là nước sông vào cho đến việc chẳng tăng chẳng giảm cũng đều có ba việc. Kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu này cũng như vậy, có tám điều chẳng thể nghĩ bàn. Một là dần dần sâu như là năm giới, mười giới, hai trăm năm mươi giới, Bồ-tát giới v.v... như là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Phật-bích-chi, quả Bồ-tát, quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, kinh Niết-bàn này

nói những pháp đó. Đó gọi là sâu dần dần. Vậy nên kinh này gọi là sâu dần dần. Hai là sâu khó dò được đáy: Như Lai Thế Tôn chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn, chẳng thọ, chẳng bố thí. Vậy nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là sắc, chẳng lìa khỏi sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức cho đến chẳng lìa khỏi thức, là thường có thể thấy rõ nhân, chẳng phải tác nhân. Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, tuy không có phiền não nhưng chẳng gọi là thường. Vậy nên gọi là sâu. Lại có chỗ rất sâu ở trong kinh này. Hoặc khi nói ngã hoặc nói vô ngã, hoặc khi nói thường hoặc nói vô thường, hoặc khi nói tịnh hoặc nói bất tịnh, hoặc khi nói vui hoặc nói khổ, hoặc khi nói không hoặc nói chẳng không, hoặc nói tất cả có, hoặc nói tất cả không, hoặc nói ba thừa, hoặc nói một thừa, hoặc nói năm ấm tức là Phật tánh, Tam-muội kim cương và cả trung đạo, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, mười hai nhân duyên, đệ nhất nghĩa không, từ bi bình đẳng với các chúng sinh, nguyện trí, tín tâm, biết các căn, lực, trong tất cả pháp trí không ngăn ngại, tuy có Phật tánh nhưng chẳng nói quyết định. Vậy nên gọi là sâu. Ba là một vị: Tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, đều đồng một thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam lồ. Tất cả sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là một vị. Bốn là nước triều chẳng quá giới hạn: Như trong kinh này hạn chế các Tỳ-kheo chẳng được nhận nuôi chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói, phân biệt kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này thì tà mất thân mạng chớ nhất định chẳng hủy phạm kinh đó. Đó gọi là nước triều chẳng quá giới hạn. Năm là có đủ thứ bảo tàng. Kinh này tức là vô lượng bảo tàng. Nói là báu đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo, hạnh anh nhi, hạnh thánh, hạnh phạm, hạnh trời, các thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sinh, công đức của Bồ-tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh văn, công đức của Duyên giác, sáu pháp Ba-la-mật, vô lượng Tam-muội, vô lượng trí tuệ. Đó gọi là bảo

tàng. Sáu là chỗ cư trú của chúng sinh thân lớn. Chúng sinh thân lớn là gọi Phật, Bồ-tát. Vì Phật, Bồ-tát có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sinh lớn. Vì có thân lớn, tâm lớn, trang nghiêm lớn, điều phục lớn, phương tiện lớn, nói pháp lớn, thế lực lớn, đồ chúng lớn, thần thông lớn, từ bi lớn, thường hằng chẳng biến đổi, tất cả chúng sinh không ngăn ngại, dung thọ tất cả các chúng sinh, nên gọi là chỗ cư trú của chúng sinh thân lớn. Bảy là chẳng chứa chấp thân chết. Thân chết là gọi Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián, bài báng kinh Phương Đẳng, chẳng phải pháp nói là pháp, pháp nói là chẳng phải pháp, thọ nhận nuôi chứa tám thứ vật bất tịnh, vật của Phật, vật của Tăng sử dụng tùy ý, hoặc ở chỗ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni làm việc phi pháp. Đó gọi là thân chết. Kinh Niết-bàn này lia những điều như vậy. Vậy nên gọi là chẳng chứa chấp thân chết. Tám là chẳng tăng, chẳng giảm: không bờ cõi nên không thỉ chung, chẳng phải sắc nên chẳng phải tạo tác, thường trụ nên chẳng sinh diệt, tất cả chúng sinh đều bình đẳng, tất cả pháp tánh đồng một tánh. Đó gọi là không tăng giảm. Vậy nên kinh này như biển cả kia, có tám điều chẳng nghĩ bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói Như Lai chẳng sinh chẳng diệt là sâu thì tất cả chúng sinh có bốn loại sinh là noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Bốn loại sinh này trong loài người có đủ: Như Tỳ-kheo Thí-bà-la, Tỳ-kheo Ưu-bà-thí-bà-la, mẹ trưởng giả Di-ca-la, mẹ trưởng giả Ni-câu-đà, mẹ trưởng giả Bán-xà-la đều có năm trăm con đồng là do noãn sinh thì phải biết là trong loài người có sinh ra từ trứng. Thấp sinh thì như lời Phật nói, Ta vào thuở xưa, khi làm Bồ-tát từng làm vua sinh ra từ đỉnh đầu và làm vua sinh ra từ tay. Như hôm nay Phật nói, người con gái Am-la-thọ, con gái Bất-đa-thọ thì phải biết trong loài người có thấp sinh. Khi kiếp bắt đầu thì tất cả chúng sinh đều hóa sinh hết. Như Lai Thế Tôn được tám tự tại, vì nhân duyên gì mà chẳng hóa sinh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh có bốn loại thọ sinh, nhưng

người được thánh pháp rồi thì chẳng sinh từ trứng, từ chỗ ấm thấp như trước. Nay thiện nam! Ban đầu kiếp chúng sinh đều hóa sinh. Trong thời kỳ ấy, Phật chẳng ra đời. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh khi gặp bệnh khổ thì cần thầy thuốc, cần thuốc. Lúc đầu kiếp chúng sinh đều hóa sinh, tuy có phiền não mà bệnh ấy chưa phát. Vậy nên Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Đầu kiếp, thân chúng sinh chẳng phải pháp khí. Vậy nên Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Nay thiện nam! Sự nghiệp của Như Lai Thế Tôn hơn các chúng sinh như là về chủng tánh, quyến thuộc, cha mẹ. Do thù thắng nên lời nói pháp của Như Lai mọi người đều tin thọ. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa sinh. Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh, hoặc cha làm theo nghề nghiệp con, con tạo tác nghiệp cha. Như Lai Thế Tôn nếu thọ hóa thân thì không cha mẹ. Nếu không cha mẹ thì làm sao có thể khiến cho tất cả chúng sinh tạo tác các nghiệp lành. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Nay thiện nam! Trong chánh pháp của Phật có hai thứ hộ, một là nội, hai là ngoại. Nội hộ là gọi giới cấm. Ngoại hộ là gọi thân tộc quyến thuộc. Nếu Phật Như Lai thọ hóa thân thì không ngoại hộ. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Nay thiện nam! Có người ý vào dòng họ mà sinh kiêu mạn, Như Lai vì phá sự kiêu mạn như vậy nên sinh ở dòng họ tôn quý, chẳng thọ hóa thân. Nay thiện nam! Như Lai Thế Tôn có cha mẹ chân thật. Cha tên là Tịnh Phạm, mẹ tên là Ma-da mà các chúng sinh còn nói là huyễn thì làm sao mà thọ thân hóa sinh? Nếu thọ hóa thân thì làm sao được có xá lợi khi thân hoại. Như Lai vì thêm phước đức cho chúng sinh nên làm vụn nát thân ấy để cho họ cúng dường. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Tất cả các Đức Phật đều không hóa sinh thì sao khiến một mình là thọ hóa thân?

Bấy giờ, Bồ-tát Sư Tử Hống chấp tay, quỳ dài, gối phải đặt xuống đất, dùng kệ khen Đức Phật:

*Như Lai công đức thật không lường  
Con nay chẳng thể rộng tuyên nói  
Nay vì chúng sinh diễn một phần  
Nguyện xin thương xót cho con nói!*

Chúng sinh đi trong tối vô minh  
 Thọ đủ vô minh trăm thứ khổ  
 Thế Tôn có thể khiến xa lìa  
 Nên đời xưng đấng Từ Bi lớn!  
 Chúng sinh qua lại dây sinh tử  
 Phóng dật mê man không an lạc  
 Như Lai hay cho mọi an lạc  
 Vậy nên cắt đứt dây sinh tử.  
 Phật hay ban bố mọi an lạc  
 Tự vui với mình, chẳng tham lạc  
 Tu khổ hạnh vì các chúng sinh  
 Nên thế gian cung kính cúng dường.  
 Thấy người thọ khổ rúng động thân  
 Ở tại địa ngục chẳng biết khổ  
 Chịu khổ lớn vì các chúng sinh  
 Vậy nên vô lượng không ai hơn.  
 Phật tu khổ hạnh vì chúng sinh  
 Thành tựu đầy đủ trọn lục độ  
 Tâm ở gió tà chẳng chao đảo  
 Nên có thể thắng bậc Đại sĩ.  
 Chúng sinh thường muốn được an lạc  
 Mà chẳng biết tu nhân an lạc  
 Như Lai hay dạy khiến tu hành  
 Giống như cha lành yêu con một.  
 Phật thấy chúng sinh bệnh phiền não  
 Lòng khổ như mẹ lo con bệnh  
 Phương tiện khỏi bệnh nghĩ tới luôn  
 Vậy nên thân này thuộc người khác.  
 Các khổ, tất cả chúng sinh làm  
 Mà lòng điên đảo cho là vui  
 Như Lai diễn nói khổ, vui thật  
 Nên xưng hiệu là Từ Bi lớn.  
 Thế gian đều ở trứng vô minh

*Không có mở trí có thể phá  
Mở trí Như Lai mở phá tan  
Vậy nên gọi là tối đại tử.  
Chẳng bị phụ thuộc trong ba đời  
Không có tên gọi mà giả gọi  
Hiểu biết nghĩa thâm diệu Niết-bàn  
Vậy nên xưng Phật là Đại Giác.  
Có sông cuộn cuộn chìm chúng sinh  
Vô minh mù tối chẳng biết ra  
Như Lai tự độ, độ chúng sinh  
Vậy nên xưng Phật, Thuyền Sư Lớn.  
Có thể biết tất cả quả, nhân  
Cũng lại thông đạt hết diệt đạo  
Thường ban thuốc bệnh khổ chúng sinh  
Vậy nên đời xưng: Y Vương Lớn.  
Khổ hạnh, ngoại đạo thường tuyên dương  
Nhân đó hay được vui vô thượng  
Như Lai diễn nói hạnh chân lạc  
Hay khiến chúng sinh thọ an vui.  
Như Lai Thế Tôn phá tà đạo  
Khai thị chúng sinh đường chân chính  
Người đi đường đó được an lạc  
Nên xưng Phật là thầy dẫn dắt.  
Chẳng phải người và mình tạo tác  
Chẳng phải cùng làm, không nhân làm  
Việc thọ khổ theo lời Thế Tôn  
Còn hơn tất cả các ngoại đạo.  
Thành tựu giới, định, tuệ hoàn toàn  
Cũng đem pháp này dạy chúng sinh  
Khi đem pháp thí không tham tiếc  
Cho nên Phật hiệu Vô Duyên Bi  
Không sự tạo tác, không nhân duyên  
Đạt được không nhân, không quả báo*

---

*Vậy nên tất cả các người trí  
Khen ngợi Như Lai chẳng cầu báo.  
Thường cùng đời làm việc buông lung  
Mà chẳng bị buông lung ô nhiễm  
Vậy nên gọi là chẳng nghĩ bàn  
Tám pháp thế gian chẳng thể nhiễm.  
Như Lai Thế Tôn không oán thân  
Vậy nên tâm ấy thường bình đẳng  
Sư tử hống con khen đại bi  
Hay rống vô lượng Sư tử hống.*

